

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HS-PT
Ngày 17-4-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Sỹ Trứ;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 30/2025/TLPT-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025, do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Văn N (tên gọi khác Bùi K), sinh năm 1980 tại Bình Dương. Giới tính: Nam. Nơi đăng ký thường trú: tổ B, ấp M, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 3/12; con ông Lê Văn N1 (đã chết) và bà Huỳnh Thị X (đã chết). Bị cáo có 02 người chị, sinh năm 1972 và 1975. Vợ: Trần Thị T, sinh năm 1979. Bị cáo có 02 con, sinh năm 2008 và 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam, giữ từ ngày 15/4/2024 đến ngày 24/5/2024 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Tấn D - Luật sư Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh B. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại do không kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Văn N và ông Huỳnh Tấn Đ (sinh năm 1975) là anh em họ hàng với nhau, bị cáo N quen với ông Lê Văn Đ1 (còn gọi là Đ1) do 3 người đều sinh sống tại ấp M, xã B, huyện B. Khoảng 14 giờ ngày 20/6/2023, N và Đ xảy ra mâu thuẫn có lời qua tiếng lại với nhau (do con khỉ mà N nuôi qua hái lá cây xoài và vứt rác sang nhà Đ). Đ đi qua cổng nhà N có lời nói thô tục và thách thức đánh nhau với N. Khi N đi ra cổng gặp Đ thì Đ đánh N. Nhạc né được và đẩy ngã Đ, lúc này, bà Trần Thị S kêu Đ đi về. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi N đang ngồi chơi tại nhà bà Nguyễn Thị B, Đ đi qua và tiếp tục cãi nhau, thách thức đánh nhau với N về vụ việc lúc sáng. Sau đó, Đ gọi điện thoại cho Đ1 đến. Khi thấy Đ1 đến, N bỏ đi về, khi N đi ngang qua người Đ, Đ dùng vai hất vào người N, thấy vậy Đó cầm cây tầm vông nhặt được bên hông nhà Đ lao vào đánh lên người Nhạc một cái thì N đỡ được sau đó N nhặt thanh kim loại trước cổng nhà N đánh một cái trúng vào vùng đầu của Đó gây thương tích. Thấy đầu Đó chảy nhiều máu, bị cáo N kêu Đ chở Đ1 đi bệnh viện Đa khoa tỉnh B cấp cứu còn N bỏ đi về nhà. Đến ngày 21/6/2023, N đến Công an xã B đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi, giao nộp vật chứng gồm: 01 (một) cây sắt dài 90,5 cm, chiều rộng 04 cm.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng gồm: 01 (một) cây gổ (loại cây tre) đã khô, có kích thước (73x04) cm.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 656/2023/KLGD-TTPY ngày 24/11/2023 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh B kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Văn Đ1 tại thời điểm giám định là 36% (ba mươi sáu phần trăm).

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo N đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 32.500.000 đồng, bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 71/CT-VKS-BTU ngày 19/8/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lê Văn N về “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Lê Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2024 đến ngày 24/5/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, bị cáo Lê Văn N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì lớn nhưng bị cáo đã có hành vi dùng cây sắt đánh vào đầu bị hại, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Lê Văn N, kháng cáo của các bị cáo không nêu ra tình tiết mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Do đó, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo đối với bị cáo Lê Văn N, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến: Bị cáo thực hiện tội phạm trong trường hợp tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật của người bị hại; Khi bị Đó đánh thì bị cáo không chuẩn bị trước mà bị cáo dùng cây sắt vô tình có được. Bị cáo đã bồi thường cho bị hại; bị cáo ra đầu thú; bị cáo đã khai đầy đủ, thành khẩn và đã tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo có ông ngoại Huỳnh Văn N2 là người có công với cách mạng, được tặng thưởng nhiều huân chương; Bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình, hiện bị cáo đang bị bệnh tiểu đường, gan, cột sống, đang chăm sóc cha già bị bệnh, vợ thường hay đau ốm, con còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn; gần đây bị cáo bị tai nạn giao thông, não bị ảnh hưởng; bị cáo tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện xã hội như hiến máu nhân đạo, ủng hộ quỹ từ thiện, quỹ khuyến học, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Người bào chữa thống nhất với hình phạt của Tòa án sơ thẩm đã tuyên, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ngoài những tình tiết giảm nhẹ như điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, thì đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ tại điểm e, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 của BLHS cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa, không bổ sung gì thêm.

Bị cáo N nói lời nói sau cùng: mong Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: vào ngày 20/6/2023, tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Lê Văn N đã có hành vi sử dụng thanh kim loại bằng sắt đánh gây thương tích cho bị hại Lê Văn Đ1 với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại Đó tại thời điểm giám định là 36% (Ba mươi sáu phần trăm).

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo không có mâu thuẫn gì lớn với bị hại Đó nhưng vì không kìm chế được bản thân bị cáo đã dùng cây sắt đánh vào đầu bị hại gây thương tích. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hậu quả là gây tổn hại cho sức khỏe của bị hại với tỷ lệ 36%. Bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại với số tiền là 32.500.000 đồng, tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ rõ thật sự ăn năn hối cải, bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú; bị cáo là lao động chính trong gia đình và phải nuôi con, có hoàn cảnh thật sự khó khăn, bản thân bị cáo mắc bệnh mãn tính, bị hại cũng có lời xin giảm nhẹ phần lớn hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng, bị hại Đó cũng có một phần lỗi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Lê văn N, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tính chất mức độ hành vi phạm tội, độ tuổi của bị cáo, cân nhắc đầy đủ

các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là đã xem xét đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Do đó, cân nhắc tính chất, mức độ vi phạm, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hậu quả đối với bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là không nặng nên không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xin được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy với mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo, bị cáo chưa đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo.

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo đối với bị cáo Lê Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9] Ý kiến bào chữa của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ tại điểm e, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với tình tiết giảm nhẹ theo điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo không thuộc trường hợp “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra”. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng đã xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là bị hại có một phần lỗi theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy trường hợp này là ông ngoại của bị cáo không phải là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ như quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử đã xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là gia đình có công với cách mạng theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo chưa đáp ứng đủ điều kiện về mức hình phạt dưới 03 năm tù để được hưởng án treo nên đề nghị của người bào chữa không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Về tội danh: tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt: căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2024 đến ngày 24/5/2024. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Buộc bị cáo Lê Văn N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.